

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 130/2019/HS-ST
Ngày: 04-6-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Đại Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Đảm.

Ông Nguyễn Văn Trai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Mai Chiến Thắng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 tháng 5 và 04 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 63/2019/TLST-HS ngày 08 tháng 3 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2019/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 4 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2019/QĐ- HPT ngày 16 tháng 4 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2019/QĐ- HPT ngày 03 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo:

Đặng Ngọc M, sinh năm 1987 tại tỉnh N; nơi cư trú: Xóm 3, xã L, huyện A, tỉnh N; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Ngọc H và bà Võ Thị L; có vợ tên Phạm Thị T và 01 con.

Tiền án:

+ Ngày 19/6/2008 bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đ xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản chấp hành xong ngày 28/9/2008.

+ Ngày 29/01/2019 bị Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H xử phạt 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, tổng hợp hình phạt 03 năm tù tại Bản án số 393/2016/HSST ngày 09/12/2016 của Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh B, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 04 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 12/9/2016, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/11/2009 đến

ngày 29/01/2010 và thời gian chấp hành hình phạt tù, từ ngày 12/9/2016 đến ngày 29/01/2019 là 02 năm 06 tháng 26 ngày. Bị cáo còn phải chấp hành hình phạt 01 năm 05 tháng 04 ngày tù.

Tiền sự: Không.

Nhân thân:

+ Ngày 09/12/2016 bị Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh B xử phạt 03 năm tù về tội Trộm cắp tài sản theo Bản án số 393/2016/HSST.

Bị cáo đang chấp hành án trong vụ án khác. Có mặt.

- *Bị hại*: Ông Trần Ích T, sinh năm 1983; nơi cư trú: Thôn B, xã H, huyện H, tỉnh T. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Phan Thị Như H, sinh năm: 1966; nơi cư trú: 105C/1 khu phố T, phường A, thị xã T, tỉnh B. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- *Người làm chứng*:

1. Ngô Thành C, sinh năm 1985. Vắng mặt.

2. Ông Phan Văn R, sinh năm 1983. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 10 giờ 00 phút ngày 21/10/2011, đối tượng tên H (chưa xác định được nhân thân, địa chỉ) rủ Đặng Ngọc M đi tìm tài sản để lấy trộm thì M đồng ý. H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Exciter (không rõ biển số) chở M đi từ phường A, thị xã D về phường A, thị xã T khi đến đoạn đường trước quán cà phê Lucky thuộc khu phố 4, phường A, thị xã T, tỉnh B, H thấy một xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave biển số 61Z1-7328 của ông Trần Ích T dựng trước quán không người trông coi nên nảy sinh ý định lấy trộm. H dừng xe lại để M ở ngoài cảnh giới, còn H đi bộ vào dùng cây đoản hình chữ T phá khóa xe rồi dắt xe ra ngoài, sau khi lấy được xe mô tô biển số 61Z1-7328 H giao cho M điều khiển đi khỏi hiện trường. Khi M đi đến vòng xoay An Phú thì bị quần chúng nhân dân phát hiện bắt giữ cùng tang vật.

Vật chứng thu giữ trong vụ án gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave biển số 61Z1-7328.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 28/10/2011 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã Thuận An kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave biển số 61Z1-7328 trị giá 14.000.000 đồng.

Ngày 28/5/2018 Tòa án nhân dân cấp cao Thành phố H hủy một phần Bản án số 13/2012/HSST ngày 18/01/2012 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh B phân trách nhiệm hình sự của Đặng Ngọc M để điều tra xử lại.

Bản Cáo trạng số 78/CT-VKS-TA ngày 25/02/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo Đặng Ngọc M về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa:

Bị cáo Đặng Ngọc M khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, không có ý kiến gì về nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An truy tố.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Đặng Ngọc M về tội danh và điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng, xem xét, đánh giá các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo Đặng Ngọc M và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; điểm g, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) (Nay là điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Đặng Ngọc M mức hình phạt tù 03 năm tù đến 03 năm 06 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong các giai đoạn tố tụng từ khi khởi tố vụ án cho đến khi kết thúc việc truy tố, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, cán bộ điều tra, Kiểm sát viên đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không khiếu nại, tố cáo về các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Đặng Ngọc M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh B đã truy tố bị cáo trước Tòa. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định:

Khoảng 11 giờ ngày 21/10/2011, tại trước quán cà phê Lucky thuộc khu phố 4, phường A, thị xã T, tỉnh B, Đặng Ngọc M cùng đối tượng tên H (chưa xác định được nhân thân, địa chỉ) đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô biển số 61Z1-7328 của ông Trần Ích T bỏ trốn thì bị phát hiện bắt giữ cùng tang vật, theo kết luận định giá thì chiếc xe này trị giá 14.000.000 đồng.

Hành vi của bị cáo Đặng Ngọc M đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 19/6/2008 bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đ xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản chấp hành xong ngày 28/9/2008; Ngày 08/4/2010 bị cáo Minh bị Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H tuyên phạt 01 năm 06 tháng tù

nhưng cho hưởng án treo về tội Trộm cắp tài sản, thời gian thử thách là 02 năm 07 tháng 12 ngày theo bản án 65/2010/HSST, tuy nhiên bản án trên không xác định tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009). Do đó, ngày 23/5/2018 Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh hủy bản án 65/2010/HSST.

Ngày 18/01/2012 bị cáo M bị Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh B tuyên phạt 13 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo bản án 13/2012/HSST, tuy nhiên bản án trên không xác định tình tiết tái phạm nguy hiểm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 49; không áp dụng điểm c, khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009). Do đó, ngày 23/5/2018 Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh hủy một phần bản án 13/2012/HSST.

Ngày 29/01/2019 Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh xử lại vụ án nêu trên xử phạt bị cáo M 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, tổng hợp hình phạt 03 năm tù tại Bản án số 393/2016/HSST ngày 09/12/2016 của Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh B, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 04 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 12/9/2016, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/11/2009 đến ngày 29/01/2010 và thời gian chấp hành hình phạt tù, từ ngày 12/9/2016 đến ngày 29/01/2019 là 02 năm 06 tháng 26 ngày. Bị cáo còn phải chấp hành hình phạt 01 năm 05 tháng 04 ngày tù. Tại bản án này xác định bị cáo phạm tội thuộc tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Bị cáo đã tái phạm chưa được xóa án tích mà tiếp tục phạm tội do cố ý, nên thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm nay là tình tiết định khung theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) (Nay là điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)). Do đó, bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An truy tố bị cáo Đặng Ngọc M về tội danh và khung hình phạt nêu trên là có căn cứ, đúng người và đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự, trị an tại địa phương. Bị cáo nhận thức được hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật Hình sự và sẽ bị xử lý nhưng vì động cơ tư lợi nên cố ý thực hiện hành vi phạm tội, bất chấp hậu quả và pháp luật. Do đó cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo để có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu ngày 09/12/2016 bị Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh B xử phạt 03 năm tù về tội Trộm cắp tài sản.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo, thể hiện thái độ ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại, tài sản đã trả lại cho chủ sở hữu nên bị cáo được xem xét áp dụng điểm g, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) (Nay là điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Đặng Ngọc M mức hình phạt tù 03 năm tù đến 03 năm 06 tháng tù là phù hợp nên được chấp nhận.

[6] Tổng hợp hình phạt:

Bị cáo Đặng Ngọc M ngày 29/01/2019 bị Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H xử phạt 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, tổng hợp hình phạt 03 năm tù tại Bản án số 393/2016/HSST ngày 09/12/2016 của Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh B, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 04 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 12/9/2016 được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/11/2009 đến ngày 29/01/2010 và thời gian chấp hành hình phạt tù, từ ngày 12/9/2016 đến ngày 29/01/2019 là 02 năm 06 tháng 26 ngày. Bị cáo còn phải chấp hành hình phạt 01 năm 05 tháng 04 ngày tù, bản án trên không bị kháng cáo, kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật. Do vậy, cần phải tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt 01 năm 05 tháng 04 ngày tù tại bản án số 38/2019/HS-ST ngày 29/01/2019 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án theo quy định tại Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) (Nay là Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)).

[7] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng đã được giải quyết tại Bản án số 13/2012/HSST ngày 18/01/2012 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh B nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

+ Điểm c khoản 2 Điều 138; điểm g, p khoản 1 Điều 46; Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009); (Nay là điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)).

+ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Đặng Ngọc M phạm tội Trộm cắp tài sản.

Xử phạt bị cáo Đặng Ngọc M 03 (ba) năm tù.

Tổng hợp hình phạt 01 năm 05 tháng 04 ngày tù tại bản án số 38/2019/HS-ST ngày 29/01/2019 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H. Bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 04 năm 05 tháng 04 ngày tù, được khấu trừ thời gian chấp hành hình phạt tù là 13 tháng tại Bản án số 13/2012/HSST ngày 18/01/2012 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh B từ ngày 21/10/2011 đến ngày 21/11/2012 và thời gian chấp hành hình phạt tù từ ngày 29/01/2019 đến ngày 04/6/2019. Thời hạn tù tính từ ngày 04/6/2019.

2. Về án phí: Bị cáo Đặng Ngọc M phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Thuận An;
- Chi cục THADS thị xã Thuận An;
- Công an thị xã Thuận An;
- Bị cáo;
- Bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: HS, THAHS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Danh Đại Thắng